

Bản án số: 03 /2020/DS-ST

Ngày: 02/6/2020

V/v: “*Tranh chấp dân sự đòi nợ tiền*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH - TỈNH GIA LAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Thanh

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hoàng Thị Bình.

2. Võ Xuân Bảo.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, Gia Lai.

Ngày 02 tháng 6 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2020/TLST- DS, ngày 19/02/2020 về việc “*Tranh chấp dân sự đòi nợ tiền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST- DS ngày 08 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: - ông Trần Minh Đ, sinh năm 1956 và bà Mai Thị Nh, sinh năm 1963. Cùng địa chỉ: xã IN, huyện C, tỉnh G. (có mặt).

(bà Mai Thị Nh ủy quyền cho ông Trần Minh Đ theo giấy ủy quyền ngày 19/02/2020) .

Bị đơn: anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1973; (Có mặt)

Địa chỉ: IK, huyện C, tỉnh G.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 02 năm 2020, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Minh Đ và bà Mai Thị Nh trình bày:*

Do quen biết nên anh Nguyễn Hữu T có mượn tiền của ông Đ và bà Nh nhiều lần. Cụ thể: Ngày 16/8/2018 anh Nguyễn Hữu T mượn của ông Đ và bà Nh số tiền là 20.000.000đ, hạn 01 tháng trả (16/9/2018). Ngày 18/8/2018 anh Nguyễn Hữu T mượn của ông bà số tiền 10.000.000đ, hạn 01 tháng trả (18/9/2018), ngày 19/9/2018 mượn của ông bà số tiền 68.000.000đ, ngày 02/10/2018 mượn của ông bà số tiền 40.000.000đ trừ nợ 20.000.000đ còn nợ 20.000.000đ hạn đến ngày 12/10/2018 trả, ngày 05/10/2018 mượn của ông bà số tiền 10.000.000đ, hạn 10 ngày trả (15/10/2018). Tổng cộng anh T nợ ông Đ và bà Nh số tiền là 148.000.000đ. Quá trình vay tiền anh T đã trả cho ông Đ được số tiền 20.000.000đ. Tổng cộng anh T còn nợ ông Đ và bà Nh số tiền 128.000.000đ, ông Đ và bà Nh đã đi đòi nhiều lần nhưng anh T vẫn không chịu trả nợ cho ông Đ và bà Nh. Các lần mượn nợ anh T đều tự nguyện

không ai ép buộc, anh T tự ký tên của mình trong các giấy mượn tiền và nhận tiền mặt của ông Đ và bà Nh yêu cầu anh Nguyễn Hữu T phải trả nợ số tiền 128.000.000đồng (Một trăm hai mươi tám triệu đồng). Ông Đ và bà Nh không yêu cầu tính lãi của số tiền nợ trên.

Ngoài ra ông Đ và bà Nh không có yêu cầu gì thêm.

*Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày:*

Anh T có mượn tiền nợ của ông Đ và viết 05 giấy mượn tiền như ông Đ trình bày là đúng, tổng số tiền anh T mượn của ông Đ đã ghi trong các giấy mượn tiền là: 148.000.000đồng, anh T đã trả cho ông Đ và bà Nh số tiền 20.000.000đồng, hiện còn nợ ông Đ và bà Nh tổng số tiền là 128.000.000đồng. Tiền mượn của ông Đ và bà Nh là để đánh bài, do ông Đ gọi anh T lên nhà ông Đ để đánh bài, khi đánh bài hết tiền thì ông Đ cho anh T mượn tiền để đánh. Việc vay nợ là 1 mình anh T vay, vợ anh T không biết. Quá trình vay mượn nợ anh T đã trả cho ông Đ được khoảng 80.000.000đ tiền lãi. Khi trả thì anh T chỉ đưa tiền cho ông Đ mà không viết giấy gì. Nay ông Đ và bà Nh khởi kiện yêu cầu anh T phải trả nợ số tiền 128.000.000đ thì anh T không đồng ý, vì anh T đã trả được 80.000.000đ, nên anh T chỉ đồng ý trả cho ông Đ, bà Nh thêm 48.000.000đ nữa. Do anh T khó khăn nên không có khả năng trả nợ, anh T xin được trả dần dần.

Ngoài ra, anh T không có ý kiến gì thêm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Ông Trần Minh Đ và bà Mai Thị Nh đã cho anh Nguyễn Hữu T mượn tiền nhiều lần, cụ thể: Ngày 16/8/2018 anh Nguyễn Hữu T mượn của ông Đ và bà Nh số tiền là 20.000.000đ, hạn 01 tháng trả (16/9/2018). Ngày 18/8/2018 anh Nguyễn Hữu T mượn của ông Đ và bà Nh số tiền 10.000.000đ, hạn 01 tháng trả (18/9/2018), ngày 19/9/2018 mượn của ông Đ và bà Nh số tiền 68.000.000đ, ngày 02/10/2018 mượn của ông Đ và bà Nh số tiền 40.000.000đ trừ nợ 20.000.000đ còn nợ 20.000.000đ hạn đến ngày 12/10/2018 trả, ngày 05/10/2018 mượn của ông Đ và bà Nh số tiền 10.000.000đ, hạn 10 ngày trả (15/10/2018). Có tất cả 05 giấy mượn tiền, với tổng số tiền là 148.000.000đ, anh T đã trả nợ cho ông Đ và bà Nh số tiền 20.000.000đ. Tổng cộng anh T còn nợ ông Đ và bà Nh số tiền là 128.000.000đ. Anh Nguyễn Hữu T đều tự ký ghi rõ họ tên người mượn tiền, anh T cũng thừa nhận có mượn tiền và có ký nhận tiền ở các giấy vay nợ của ông Đ và bà Nh.

Mặc dù các giao dịch đề là giấy mượn tiền nhưng nội dung chứa đựng giao dịch vay tiền có kỳ hạn. Xét, giao dịch vay tiền giữa ông Đ bà Nh với anh T được giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật dân sự nên có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án anh T thừa nhận có ký tên mượn tiền trong 05 giấy mượn tiền của ông Đ bà Nh với tổng số tiền 148.000.000 đồng đã trả nợ cho ông Đ và bà Nh số tiền 20.000.000 đồng, hiện anh T còn nợ ông Đ và bà Nh tổng số tiền là: 128.000.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xác định việc ông Đ bà Nh có cho anh T mượn số tiền 128.000.000 đồng là đúng sự thật.

Anh Nguyễn Hữu T cho rằng đã trả cho ông Đ được khoảng 80.000.000 đồng tiền lãi. Khi trả thì anh T chỉ đưa tiền cho ông Đ mà không viết giấy gì. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giải thích cho anh T về việc anh T có chứng cứ gì về việc đã trả nợ cho ông Đ thì cung cấp cho Tòa án, nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, anh T không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh cho việc anh T đã trả nợ được số tiền 80.000.000 đồng cho ông Đ, bà Nh như lời anh T khai. Nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận việc anh T đã trả cho ông Đ số tiền 80.000.000 đồng. Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định anh T có mượn tiền của ông Đ, bà Nh và còn nợ ông Đ bà Nh tổng số tiền là: 128.000.000 đồng, ông Đ bà Nh yêu cầu anh T phải trả số tiền nợ 128.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự, nên cần buộc anh Nguyễn Hữu T phải trả cho ông Trần Minh Đ và bà Mai Thị Nh số tiền 128.000.000 đồng.

Về tiền lãi suất: ông Đ bà Nh không yêu cầu tính lãi của số tiền nợ trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông Đ bà Nh được chấp nhận nên anh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh Đ và bà Mai Thị Nh. Buộc anh Nguyễn Hữu T phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Minh Đ và bà Mai Thị Nh số tiền là: 128.000.000 đồng (*một trăm hai mươi tám triệu đồng*).

*Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

- Áp dụng các Điều 144, 145, 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc anh Nguyễn Hữu T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 6.400.000 đồng (*Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng*). Hoàn trả lại cho ông Trần Minh Đ và bà Mai Thị Nh

số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 3.200.000đ (*Ba triệu hai trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số: 0002779, ngày 19/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND h.Chư Păh;
- THADS h.Chư Păh;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thị Kim Thanh

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND h.Chư Păh;
- THADS h.Chư Păh;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thị Kim Thanh

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



